

Bản án số: 45/2019/DS-PT

Ngày: 02-4-2019

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo

Bà Thái Thị Huyền Trân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 14/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019; về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 207/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018, của Toà án nhân dân huyện AP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2019/QĐPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Huỳnh H, sinh năm 1994;

Cư trú: ấp V, xã VH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Huỳnh H là bà Lê Thị Th, sinh năm: 1976; cư trú: ấp V, xã VH, huyện AP, tỉnh An Giang theo văn bản ủy quyền ngày 25/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã VH. (có mặt)

2. *Đồng bị đơn:*

2.1 Bà Trần Thị Diên H1, sinh năm: 1970; (có mặt)

2.2 Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm: 1966.

Cùng cư trú: ấp V, xã VH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị Diên H1 đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H2 theo văn bản ủy quyền lập ngày 29/3/2019.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị Diên H1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Bà Phan Thị Huỳnh H trình bày: Ngày 04/11/2016AL bà Trần Thị Diên H1 có đến nhà bà mượn 25.000.000 đồng để trả tiền Ngân hàng, lãi suất thỏa thuận là 5%/01 tháng, thời hạn vay là 01 tháng. Bà H1 có viết cho bà một biên nhận với nội dung là có vay số tiền là 25.000.000 đồng, bà có ký tên và viết họ tên vào biên nhận này. Do bà H1 có nợ bà Lê Thị Th 60.000.000 đồng và bà Th có thỏa thuận mua đất của bà H1, khi mua đất xong thì bà Th sẽ trả 25.000.000 đồng mà bà H1 đã nợ bà nhưng do bà Th và bà H1 không thỏa thuận được giá nên việc mua bán đất không thực hiện. Do bà bận công việc riêng nên vào tháng 05/2018 bà có nhờ bà Th kiện thay đòi tiền nên bà Th khởi kiện bà H1 là 85.000.000 đồng (trong đó tiền của bà là 25.000.000 đồng). Khi Tòa án tiến hành làm việc giữa bà Th và vợ chồng bà H1 thì vợ chồng bà H1 có thừa nhận nợ bà Th là 85.000.000 đồng. Bà Th và vợ chồng bà H1 đã thỏa thuận số tiền 85.000.000 đồng và Tòa án cũng đã lập biên bản hòa giải thành nhưng do phía bà và bà Th có bàn bạc với nhau là tiền của ai thì người đó kiện nên bà Th đã rút đơn và Tòa án đã đình chỉ vụ án. Nay, bà H yêu cầu bà H1, ông H2 trả bà số tiền 25.000.000đ và tính lãi theo quy định pháp luật.

Bà Trần Thị Diên H1 trình bày: Bà không thừa nhận nợ tiền bà H 25.000.000 đồng, bà cũng không thừa nhận có ký tên và viết họ tên vào biên nhận ngày 04/11/2016AL. Bà thừa nhận có cùng chồng bà ông Nguyễn Văn H2 có ký tên vào 02 biên bản hòa giải ngày 05/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện AP và các biên bản tại Văn phòng ấp V nhưng do bà Th đã rút đơn tại Tòa án và Tòa án AP đã ra Quyết định đình chỉ số 121 ngày 26/7/2018 nên các chứng cứ này không có giá trị. Bà không đồng ý theo yêu cầu của bà H.

Ngoài ra bà H1 cho biết vào năm 2017 do bà thiếu nợ Ngân hàng và nợ tiền người khác nên bà kêu bán đất. Bà Th thỏa thuận sẽ mua 07 công đất của bà với giá 45.000.000 đồng/01 công, khi đó bà nói với bà Th sau khi chuyển nhượng xong thì cho bà mượn lại 03 mùa. Việc thỏa thuận mua bán đất kéo dài từ năm 2017 đến năm 2018. Do bà Th không đồng ý cho bà mượn lại 03 mùa nên bà mới nâng giá lên 55.000.000 đồng/01 công, bà Th không đồng ý nên việc mua bán đất không thực hiện.

Người làm chứng bà Lê Thị Th trình bày: Vào năm 2017, bà H1 có mượn bà số tiền 60.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Do bà H1 hứa bán đất trả nợ cho bà nhưng bà H1 chưa bán được nên bà và bà H1, bà H có thỏa thuận sẽ mua đất của bà H1, sau khi mua đất xong thì bà sẽ trả lại số tiền 25.000.000 đồng mà bà H1 đã thiếu của bà H. Do đất của bà H1 đã vay Ngân hàng nên bà không đồng ý mua. Do bà H bận công việc nên bà H nhờ bà kiện thay cho bà H số tiền 25.000.000 đồng nên vào tháng 05/2018 bà có làm đơn khởi kiện vợ chồng bà H1 là yêu cầu trả số tiền 85.000.000 đồng trong đó tiền của bà là 60.000.000 đồng, tiền của bà H là 25.000.000 đồng. Tại Tòa án vợ chồng bà H1 ông H2 đã thừa nhận có nợ bà số tiền 85.000.000 đồng và có ký tên vào các biên bản của Tòa. Sau đó bà và bà H có

thống nhất với nhau là nợ ai nấy kiện nên bà đã rút đơn, Tòa án đã đình chỉ vụ án. Sau đó bà và bà H mỗi người làm đơn khởi kiện vợ chồng bà H1 ông H2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 207/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện AP đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Huỳnh H.

Buộc bà Trần Thị Diên H1 và ông Nguyễn Văn H2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thị Huỳnh H số tiền 27.888.900đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm tám mươi tám ngàn chín trăm đồng)

Bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 05/12/2018, bà Trần Thị Diên H1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện AP.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà Trần Thị Diên H1 nộp đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định, được chấp nhận xem xét phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Bà H ủy quyền cho bà Th; ông H2 ủy quyền cho bà H1 tham gia tố tụng hợp lệ, được Hội đồng xét xử chấp nhận căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Trần Thị Diên H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; Tại phiên tòa các đương sự xác định không cung cấp chứng cứ gì mới phát sinh sau phiên tòa sơ thẩm đã xét xử;

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/02/2019 Nguyên đơn, bị đơn yêu cầu giám định chữ ký của bà H1 tại biên nhận nợ và tờ cam kết; Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để làm thủ tục giám định theo yêu cầu của đương sự; nhưng sau đó nguyên đơn, bị đơn đều thay đổi ý kiến không yêu cầu giám định;

[5] Phần tranh luận:

[5.1] Nguyên đơn bà Th đại diện ủy quyền của bà H phát biểu: Chính bà H1 viết tờ cam kết và bản tự khai có ký tên vào biên nhận nợ, nay bà H1 nói không có nợ và không có ký tên là không đúng.

[5.2] Bị đơn bà H1 phát biểu: Khẳng định chỉ có ký tên duy nhất vào biên bản hòa giải ở ấp V; Ngoài ra, không có ký tên vào bất cứ giấy tờ nào cả, khẳng định không có nợ bà H.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ thì cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút một phần tiền lãi; Nhưng cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ một phần nội dung đơn khởi kiện là chưa chính xác, nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm về cách tuyên, không chấp nhận kháng cáo của bà H1,

[7] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Diên H1 thì thấy, tại đơn khởi kiện ngày 10/8/2018 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà H1, ông H2 trả số tiền vay mượn 25.000.000đ và tiền lãi 7.200.000đ, lãi suất 5%/tháng hứa tháng sau sẽ trả vốn, cung cấp giấy nhận nợ ngày 04/11/2016 (al), có chữ ký tên của bà H1 nhưng bà H1 không thừa nhận chữ ký của mình; Cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông H2 bà H1 có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vốn, lãi là số tiền 27.888.900 đồng; do không đồng ý bản án sơ thẩm, nên bà H1 kháng cáo không thừa nhận nợ, riêng ông H2 không có kháng cáo;

[8] Căn cứ vào các tài liệu cho thấy biên nhận nợ ngày 04/11/2016 (al) thể hiện bà H1 có vay bà H số tiền 25.000.000đ, lời khai của bà H phù hợp với các chứng khác như: tại tờ cam kết ngày 24/4/2018 bà H1 thừa nhận còn nợ bà Th 85.000.000đ; tại biên bản hòa giải ở Ban áp V ngày 24/4/2018 gồm có Ban áp và đoàn thể ấp V tham gia bà H1 cũng trình bày “85.000.000đ là phần tiền vay hỏi của bà Th chứ không phải tiền cọc”; Tại biên bản hòa giải và biên bản hòa giải thành cùng ngày 05/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện AP (BL 16, 17) bà H1, ông H2 cũng thống nhất vợ chồng còn nợ bà Th 85.000.000đ; Trong thời gian 7 ngày bà H1 thay đổi ý kiến; Sau đó bà Th rút đơn khởi kiện lại nên Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Bởi vì bà Th cho rằng số tiền 85.000.000đ trong đó có tiền riêng của bà Phan Thị Huỳnh H 25.000.000đ nên để bà H tự khởi kiện bà H1 ông H2 bằng vụ án khác; tại bản tự khai ngày 10/6/2018 bà H1 thừa nhận có vay của bà H 25.000.000đ.

[9] Bà H1 thì phủ nhận tất cả kể cả lời khai trước đây, chỉ thừa có ký tên duy nhất vào biên bản hòa giải tranh chấp chuyển nhượng đất với bà Th tại ấp V ngày 24/4/2018 nhưng thực chất nội dung biên bản này là xác định nợ trước đó, rồi hai bên mới có thỏa thuận sang nhượng đất để trừ lại tiền nợ nhưng không đạt được thỏa thuận (BL 20), lý do bà H1 đòi tăng giá đất từ 45.000.000đ/1công lên 55.000.000đ/1công và bà H1 cũng xác định 85.000.000đ không phải tiền đặt cọc mà là tiền mượn nợ;

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự được đối chất nhau, bà H1 vẫn không thừa nhận có vay bà H số tiền 25.000.000đ theo biên nhận ngày 04/11/2016 al, không thừa nhận chữ ký tên trong biên nhận, nhưng không đồng ý giám định chữ ký của bà H1, xem như bà H1 từ chối nghĩa vụ chứng minh của mình, để cho rằng không có nợ bà H. Cấp sơ thẩm xử là có căn cứ cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà H1 như đề nghị của Viện kiểm sát.

[11] Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2018 bà H yêu cầu trả vốn 25.000.000đ, tiền lãi 7.200.000đ tổng cộng là 32.200.000đ; tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu tiền lãi và cấp sơ thẩm có nhận định nguyên đơn rút một phần yêu cầu về tiền lãi, nhưng khi quyết định lại tuyên chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng và không tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện là chưa chính xác, cần nêu lên cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm chung; Do đó cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về cách tuyên cho chính xác;

[12] Các phần Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[13] Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận nội dung kháng cáo, nên bà H1 phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 1 điều 148; điều 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27 luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Diên H1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 207/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang về cách tuyên trong quyết định bản án như sau:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về tiền lãi suất đối với số tiền 4.311.100đ.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Huỳnh H.

Buộc bà Trần Thị Diên H1 và ông Nguyễn Văn H2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thị Huỳnh H số tiền vốn 25.000.000đ và tiền lãi suất 2.888.900 đồng; tổng cộng tiền vốn, tiền lãi suất: 27.888.900đ (Hai mươi bảy triệu tám trăm tám mươi tám ngàn chín trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Diên H1 và ông Nguyễn Văn H2 phải chịu 1.394.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị Huỳnh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại 805.000đ tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại biên lai thu số 0009214 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện AP.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Diên H1 phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010963 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện AP.

Những Quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 207/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Dương sự “ Đề thi hành ”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn